

Phụ lục I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIAO HÒA
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ GIAO AN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2025-2026

(Thời điểm báo cáo ngày 15 tháng 6 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

- Tên trường: Trường THCS Giao An
- Địa chỉ: xóm Thủy Nhai, xã Giao Hòa, tỉnh Ninh Bình
- Web: <https://thcsgiaoan.ninhbinh.edu.vn>
- Loại hình trường: Công lập
- Sứ mạng: “Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao”
- Tầm nhìn “ Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại”.
- Giá trị cốt lõi: “ Bền chí chuyên tâm – Học hành chăm chỉ”

1.1. Số liệu:

- Tổng số CB-GV-CNV: 33 Nữ: 23

Trong đó: CBQL: 02; GV: 29; NV: 2

+ Số lượng GV đạt chuẩn: 29, trên chuẩn: 0 (Trình độ CB-GV: 29 đại học.

+ Số lượng CBQL, GV hoàn thành các Chương trình bồi dưỡng hàng năm

theo quy định: 29 (100%)

- CB-GV-NV đều cư ngụ trên địa bàn xã Giao Hòa và các xã lân cận

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Giao Hòa là xã được thành lập từ ngày 01/07/2025 trên cơ sở sát nhập 3 xã là Giao An, Giao Lạc và Hồng Thuận theo Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Diện tích xã Giao Hòa sau khi sát nhập là 29,62 km², dân số 41,612 người.

- Phía Đông tiếp giáp xã Giao Minh, phía Bắc tiếp giáp sông Hồng, phía Tây tiếp giáp xã Giao Thủy, phía Đông Nam tiếp giáp với biển Đông với 5,23 km bờ biển, có vườn Quốc gia Xuân Thủy.

- Xã Giao Hòa ngành nghề chủ yếu là trồng lúa và nuôi trồng khai thác thủy hải sản ven bờ, phát triển nghề phụ về may mặc.

- Đường vành đai ven biển chạy qua địa phận xã Giao Hòa giúp cho ngành nghề trong xã có cơ hội phát triển như: xây dựng các cụm công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, phát triển ngành nghề dịch vụ,...

- Nơi đây đã một thời là trọng điểm kinh tế, nơi còn ghi đậm dấu tích các trận chiến ác liệt của quân và dân địa phương trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại với không quân và hải quân Mỹ.

Trong những năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược để giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước cùng với việc chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến thì nhân dân Giao An cũng hăng say học tập, công tác, lao động sản xuất để phục vụ cho công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Công tác giáo dục cũng được các cấp chính quyền rất quan tâm chú trọng. Trường Trường THCS Giao An trước đây là trường phổ thông cơ sở cấp I, II Giao An, tháng 9/1994 tách thành trường Tiểu học Giao An và trường THCS Giao An. Thời kì đầu thành lập, thầy giáo Đặng Quốc Việt được chỉ định làm Hiệu trưởng. Sau khi được thành lập trường được Đảng bộ và nhân dân Giao An đã tạo mọi điều kiện để nhanh chóng ổn định và đi vào hoạt động mở ra một thời kì mới trong công tác nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho quê hương, đất nước.

Trường THCS Giao An được đầu tư xây dựng quy mô theo các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia để tiếp nhận trẻ trong độ tuổi bậc trung học cơ sở thuộc xã Giao An và các vùng lân cận.

Từ mái trường này có những thầy giáo đã tạm xếp bút nghiên lên đường ra chiến trận và khi trở về lại tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp giáo dục của địa phương. Nhiều thế hệ học sinh của nhà trường đã nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc cũng hăng hái lên đường “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, trong đó có những người đã hy sinh cho hòa

bình dân tộc

- Nửa thế kỉ qua, trường có biết bao thế hệ học sinh đã trưởng thành từ cái nôi đáng tự hào ấy. Nhiều doanh nhân thành đạt cũng như các cán bộ, kĩ sư đang ngày đêm cống hiến cho sự phát triển của đất nước

Qua hơn 30 năm xây dựng và phát triển, với bao biến cố thăng trầm của một trường Phổ thông cơ sở (nay là trường THCS). Trường THCS Giao An đã từng bước phát triển và trưởng thành nhiều năm liền trường đạt danh hiệu trường Tiên tiến và Tiên tiến xuất sắc. Những kết quả mà Thầy và trò nhà trường đã đạt được là rất lớn, đáng trân trọng và ghi nhận bởi những thành tích đó đã tô thắm thêm truyền thống cho ngành Giáo dục và đào tạo Giao Thủy. Dưới sự lãnh đạo của thầy Đặng Quốc Việt - Hiệu trưởng(cũ), thầy Trịnh Đình Thắng - Hiệu trưởng(mới), là những giáo viên tâm huyết với nghề, giỏi chuyên môn nghiệp vụ, là tấm gương sáng về tinh thần tự học, tự sáng tạo cùng với sự phấn đấu của 33 cán bộ, giáo viên ,nhân viên nhà trường và 552 học sinh trường THCS Giao An đang thi đua “Dạy tốt - học tốt”và quyết tâm xây dựng trường THCS Giao An giữ vững danh hiệu trường chuẩn Quốc gia , trở thành điểm sáng của ngành giáo dục xã Giao Hòa,Tỉnh Ninh Bình.

Để nâng cao chất lượng giáo dục, ngay từ năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tập trung cho việc phụ đạo học sinh yếu kém; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, học sinh lên lớp thẳng hàng năm đều tăng, trong nhiều năm liền nhà trường luôn có học sinh giỏi cấp huyện, cấp Tỉnh, các phong trào thi đua cũng đạt được hạng cao trong huyện.

Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm. Nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức học sinh thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng học sinh của thầy, cô kết hợp với nội dung "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*". Bên cạnh đó, việc quản lý nề nếp trật tự kỷ luật học sinh được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ bởi đội ngũ Quản sinh vốn là các thầy cô có kinh nghiệm giáo dục và có uy tín đối với học sinh và CMHS, uốn nắn và đưa vào nề nếp ngay từ khi vào trường.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên, với mục tiêu "**Đổi mới sáng tạo trong dạy học**". Cùng với việc thực hiện "*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*" và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho viên chức nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: *Tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn hạn, hoặc tổ chức*

các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn... Bên cạnh đó công việc của từng thành viên trong nhà trường đều được quy chế hóa bằng văn bản nhằm công khai để người có trách nhiệm giám sát đồng thời cũng tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc, qua đó, xây dựng một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, nắm vững chuyên môn - nghiệp vụ và gắn bó với nghề.

- Tên hiệu trưởng hiện nay: Trịnh Đình Thắng; SĐT 0347324730; Email: trinhdinhtsang1973@gmail.com.

- Hiện nay trường được xây dựng khang trang với tổng diện tích **8210** m² gồm 15 phòng học, phòng hội đồng, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính, phòng y tế, phòng thư viện, phòng tin học ... có 01 nhà xe giáo viên, 02 nhà xe học sinh; có công trình vệ sinh giáo viên và học sinh đảm bảo theo yêu cầu; trường có sử dụng hệ thống nước sạch.

- Được sự quan tâm của các cấp, các ban ngành, đoàn thể, cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương, CSVC của nhà trường từng bước được đầu tư xây dựng. Hiện tại, địa phương đang xây dựng cho nhà trường thêm 1 dãy phòng học 3 tầng với 9 phòng học và các phòng hiệu bộ. Trải qua nhiều năm xây dựng và trưởng thành, trường THCS Giao An đã có nhiều đổi mới và có thành tích rất đáng ghi nhận. Quy mô trường lớp phát triển, đội ngũ GV trẻ hóa, chất lượng GD không ngừng được nâng cao.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục;

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường THCS Giao An có địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường THCS trọng điểm của xã Giao Hòa, Tỉnh Ninh Bình.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường;

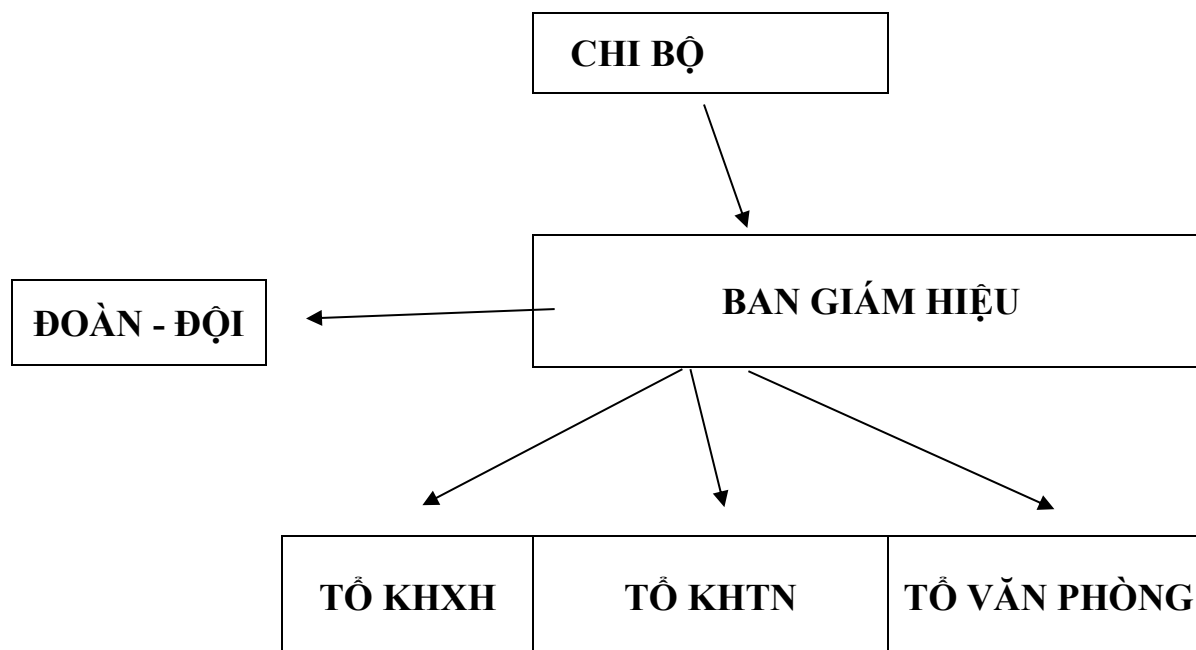
Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục;

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên, HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường)
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 20 đảng viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 8 đoàn viên.

- + Ban đại diện CMHS
- + Các tổ chuyên môn: 2 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.
- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



- Chiến lược phát triển nhà trường:

- Nhà trường đã xây dựng được phương hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030;

+ Mở rộng về quy mô trường lớp, từng bước cải thiện môi trường GD, nâng cao hiệu quả GD.

+ Giúp HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhằm hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của HS; chuẩn bị cho HS tiếp tục học lên Trung học cơ sở.

+ Tạo dựng được môi trường học tập - rèn luyện theo hướng GD toàn diện và bền vững. Xây dựng được thương hiệu nhà trường uy tín, chất lượng và luôn có được niềm tin của ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương, được CMHS tin yêu và tín nhiệm.

+ Duy trì bền vững và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn. Đảm bảo các tiêu chí để xã Bạch Long xây dựng nông thôn mới nâng cao. Đến năm 2030 trở thành trường điển hình về chất lượng giáo dục toàn diện trong huyện.

+100% CB, GV, NV được đánh giá Tốt về năng lực chuyên môn. 100% CB, GV và NV sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm ứng dụng trong giảng dạy và công tác, đặc biệt các phần mềm ứng dụng trong giảng dạy trực tuyến. Đến năm 2025 có đủ số

lượng GV, NV đạt chuẩn về trình độ. Xây dựng Hội đồng Sư phạm nhà trường đoàn kết, thân thiện.

+ Tổng số học sinh toàn trường là 529 gồm 15 lớp: Khối 6 là: 145 học sinh ; Khối 7 là: 145 học sinh; Khối 8: 122 học sinh; Khối 9 là: 117

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	33	0	0	32	0	1	0	11	20	0	0	33	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	29			29	0			10	19			29		
1	Toán	10			10					10			10		
2	Hóa	1			1					1			1		
3	Sinh học	2			2				2				2		
4	Ngữ văn	6			6				3	3			6		
5	Lịch sử	1			1					1			1		
6	Kỹ thuật CN	1			1				1				1		
7	Thể dục	2			2					2			2		
8	Tin học	1			1					1			1		
9	Tiếng Anh	3			3				2	1			3		
10	Âm nhạc	1			1				1				1		
11	Mĩ thuật	1			1				1				1		

II	Cán bộ quản lý								2			2		
1	Hiệu trưởng	1			1				1			1		
2	Phó hiệu trưởng	1			1				1			1		
III	Nhân viên													
1	Nhân viên văn thư													
2	Nhân viên kế toán	1			1				1					
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1										1		
5	Nhân viên thư viện													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin													
9	...													

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng được cấp trên đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ Tốt
- Giáo viên: 33 đồng chí giáo viên đạt loại Khá đạt tỉ lệ: 33/33 ~100%;
- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 33/33=100% (trong đó 02CBQL, 29 GV,2NV)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²)	8210/552 học sinh	8210/529 học sinh
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	5790m ² /552	5790m ² /529
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt		
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	2554	2534
5	Số bản sách/người học	1.468/552	1.361/529
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	100%	100%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	200 Mbps/829	200 Mbps/862

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Xóm Thủy Nhai - Giao Hòa – Ninh Bình	8210	5790
2	Cơ sở...	0	0	0
3	Phân hiệu...	0	0	0
Tổng cộng			8210	5790

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới nửa phía Đông Bắc tòa nhà trung tâm	0	0
2	Nâng cấp tòa nhà...	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...	0	0

Tổng cộng	0
------------------	---

3.1 Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị dạy học cụ thể:

IV. STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	5	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học		1
8	Bình quân học sinh/lớp		36.8
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	8.210	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4800	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	804	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	60	
3	Diện tích thư viện (m ²)	96	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	16	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6		

1.2	Khối lớp 7		
1.3	Khối lớp 8		
1.3	Khối lớp 9		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Vườn cây thuốc nam (m ²)	112	
4	Vườn cây ăn quả (m ²)	186	
5	Vườn hoa, đài phụ nước (m ²)	288	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	23	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	15 chiếc	
2	Cát xét	1 cái	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1 cái	
5	Thiết bị khác (Âm lí, Loa)	2 bộ	
6		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	15 chiếc	
2	Cát xét	1 cái	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác (Âm lí, Loa)	2	

..					
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp					
XI	Nhà ăn					
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,11
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 01/11/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI

STT	Tên sách	Số lượng	Giá trị còn sử dụng
	SGK LỚP 6	290	

1	Âm nhạc 6	12	70%-80%
2	GDCD 6	12	70%-80%
3	Mỹ thuật 6	12	70%-80%
4	Tài liệu GDĐP TPHP 6	8	70%-80%
5	KHTN 6	12	70%-80%
6	Tiếng anh 6 tập 1	12	70%-80%
7	Tiếng anh 6 tập 2	12	70%-80%
8	Tin học 6	12	70%-80%
9	Ngữ văn 6 tập 1	14	70%-80%
10	Ngữ văn 6 tập 2	14	70%-80%
11	GDTC 6	12	70%-80%
12	Lịch sử và địa lý 6	12	70%-80%
13	Toán tập 1	14	70%-80%
14	Toán tập 2	14	70%-80%
15	Công nghệ 6	12	70%-80%
16	HĐTNHN 6	12	70%-80%
17	Bài tập tin học 6	6	70%-80%
18	BT toán 6 tập 1	10	70%-80%
19	BT toán 6 tập 2	10	70%-80%
20	BT ngữ văn 6 tập 1	10	70%-80%
21	BT ngữ văn 6 tập 2	10	70%-80%
22	BT mỹ thuật 6	6	70%-80%
23	BT công nghệ 6	6	70%-80%
24	BT KHTN 6	6	70%-80%
25	BT âm nhạc 6	6	70%-80%
26	BT lịch sử và địa lý 6 phần lịch sử	6	70%-80%
27	BT lịch sử và địa lý 6 phần địa lý	6	70%-80%
28	BT HĐTNHN 6	6	70%-80%
29	BT GDCD 6	6	70%-80%
30	BT Tiếng anh 6 tập 1	6	70%-80%

	SGK LỚP 7	284	
1	KHTN 7	10	75-85%
2	Toán 7 tập 1	10	75-85%
3	Toán 7 tập 2	10	75-85%
4	GDTC 7	10	75-85%
5	Công nghệ 7	10	75-85%
6	Âm nhạc 7	10	75-85%
7	Mỹ thuật 7	10	75-85%
8	GDCD 7	10	75-85%
9	Tiếng anh 7	10	75-85%
10	Tin học 7	10	75-85%
11	Ngữ văn 7 tập 1	10	75-85%
12	Ngữ văn 7 tập 2	10	75-85%
13	Lịch sử và địa lý 7	10	75-85%
14	HĐTNHN 7	12	75-85%
15	Tiếng anh SBT 7	6	75-85%
16	BT Tin học 7	6	75-85%
17	Vở BT thực hành Tin 7	6	75-85%
18	BT Lịch sử & Địa lý(Phần LS)	6	75-85%
19	BT Lịch sử & Địa lý(Phần ĐL)	6	75-85%
20	Vở TH Lịch sử & Địa lý(Phần LS)	6	75-85%
21	Vở TH Lịch sử & Địa lý(Phần LS)	6	75-85%
22	BTKHTN 7	6	75-85%
23	Vở THKHTN T1	6	75-85%
24	Vở THKHTN T2	6	75-85%
25	BTNV tập 1	6	75-85%
26	BTNV tập 2	6	75-85%
27	Vở BT NV 7 tập 1	6	75-85%
28	Vở BT NV 7 tập 2	6	75-85%
29	Vở BT Toán 7 tập 1	6	75-85%

30	Vở BT Toán 7 tập 2	6	75-85%
31	Vở BT TH Toán 7 tập 1	6	75-85%
32	Vở BT TH Toán 7 tập 2	6	75-85%
33	Vở BT GDCD 7	6	75-85%
34	Vở BT TH GDCD 7	6	75-85%
	SGK LỚP 8	310	
1	Toán 8 tập một	10	85%-90%
2	Toán 8 tập hai	10	85%-90%
3	Ngữ văn 8, tập một	10	85%-90%
4	Ngữ văn 8, tập hai	10	85%-90%
5	Khoa học tự nhiên 8	10	85%-90%
6	Công nghệ 8	10	85%-90%
7	Giáo dục công dân 8	10	85%-90%
8	Tin học 8	10	85%-90%
9	Mĩ thuật 8	10	85%-90%
10	Lịch sử và Địa lí 8	10	85%-90%
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	10	85%-90%
12	Âm nhạc 8	10	85%-90%
13	Giáo dục thể chất 8	10	85%-90%
14	Tiếng Anh 8 - SHS không đĩa	10	85%-90%
15	Bài tập Toán 8 - tập 1 (KNTT)	6	85%-90%
16	Bài tập Toán 8 - tập 2 (KNTT)	6	85%-90%
17	Bài tập Ngữ văn 8 - tập một (KNTT)	6	85%-90%
18	Bài tập Khoa học tự nhiên 8 (KNTT)	6	85%-90%
19	Bài tập Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Địa lí (KNTT)	6	85%-90%
20	BT HĐTN 8	6	85%-90%
21	Vở TH Văn 8 tập 1	6	85%-90%
22	Vở TH Văn 8 tập 2	6	85%-90%
23	BT GDCD 8	6	85%-90%
24	Vở TH GDCD 8	6	85%-90%

25	BT Lịch sử và Địa lý(Phần LS)	6	85%-90%
26	BT Tin học	6	85%-90%
27	Bt Mỹ thuật	6	85%-90%
28	BT Âm nhạc	6	85%-90%
29	BT công nghệ	6	85%-90%
30	BT HĐTN 8	6	85%-90%
31	Vở TH HĐTN lớp 8	6	85%-90%
32	Vở TH KHTN lớp 8 Tập 2	6	85%-90%
33	Vở TH Tin học 8	6	85%-90%
34	Vở KHTN lớp 8 tập 1	6	85%-90%
35	Vở TH Toán 8 tập 1	6	85%-90%
36	Vở TH CN 8	6	85%-90%
37	Vở TH Lịch sử & ĐL (Phần Địa)	6	85%-90%
38	Vở BT TH Văn 8 tập 1	6	85%-90%
39	Vở BT TH Văn 8 tập 2	6	85%-90%
40	Vở TH Tiếng Anh 8	6	85%-90%
41	Tài liệu GDĐP 8	6	85%-90%
	SGK LỚP 9	96	
1	Toán 9 tập 1	6	100%
2	Toán 9 tập 2	4	100%
3	Ngữ văn 9 tập 1	4	100%
4	Ngữ văn 9 tập 2	4	100%
5	Công nghệ 9 (Định hướng nghề nghiệp)	4	100%
6	Công nghệ 9 (Mô đun LĐMĐ trong nhà)	4	100%
7	Công nghệ 9 (Trồng cây ăn quả)	4	100%
8	Công nghệ 9 (Chế biến thực phẩm)	1	100%
9	Công nghệ 9 (Cắt may)	1	100%
10	Công nghệ 9 (Nông nghiệp 4.0)	1	100%
11	Tin học 9	4	100%
12	Mỹ thuật 9 bản 1	4	100%

13	Mỹ thuật 9 bản 2	4	100%
14	GDTC 9	4	100%
15	HĐTNHN 9 bản 1	4	100%
16	HĐTNHN 9 bản 2	1	100%
17	Âm nhạc 9	4	100%
18	Giáo dục công dân 9	4	100%
19	Khoa học tự nhiên 9	4	100%
20	Lịch sử và Địa lí 9	4	100%
21	Bài tập Toán 9 - tập 1 (KNTT)	1	100%
22	Bài tập Toán 9 - tập 2 (KNTT)	1	100%
23	Bài tập Ngữ văn 9 - tập một (KNTT)	1	100%
24	Bài tập Khoa học tự nhiên 9 (KNTT)	1	100%
25	Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí (KNTT)	1	100%
26	BT HĐTN 9	1	100%
27	Vở TH Văn 9 tập 1	1	100%
28	Vở TH Văn 9 tập 2	1	100%
29	BT GDĐD 9	1	100%
30	Vở TH GDĐD 9	1	100%
31	BT Lịch sử và Địa lý 9 Phần LS)	1	100%
32	BT Tin học 9	1	100%
33	Bt Mỹ thuật 9	1	100%
34	BT Âm nhạc 9	1	100%
35	BT công nghệ 9	1	100%
36	BT HĐTN 9	1	100%
37	Vở TH HĐTN lớp 9	1	100%
38	Vở TH KHTN lớp 9 Tập 2	1	100%
39	Vở TH Tin học 9	1	100%
40	Vở KHTN lớp 9 tập 1	1	100%
41	Vở TH Toán 9 tập 1	1	100%

42	Vở TH CN 9	1	100%
	Tổng	980	

IV: KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Trường THCS Giao An đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Giao An đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, trường Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Trong các năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá. Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

Trường THCS Giao An đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X

Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 3 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 3. Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu cơ sở vật chất trường chuẩn Quốc gia, chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn. Theo lộ trình, nhà trường đã hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo công

nhận lại trường Chuẩn quốc gia, trường Xanh- Sạch- Đẹp- An toàn, Thư viện tiên tiến vào tháng 3/2020.

2.Kế hoạch cải tiến.

2.1.Năm học 2025-2026

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 3) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông (Lớp 6,7), chuẩn bị tốt các điều kiện cho triển khai của lớp 8

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo:

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả việc rút kinh nghiệm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 của lớp 6,7 kế thừa những kết quả tốt, rút kinh nghiệm các hạn chế, dần tiếp cận với chương trình lớp 8, 9.

V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

- Số hs tuyển sinh đầu cấp (lớp 6): 145 học sinh

2.Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2025-2026

2.1: Cam kết chất lượng:

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9

I	Điều kiện tuyển sinh	- Hoàn thành bậc TH Đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy chế TS, đúng độ tuổi	- Hoàn thành CT lớp 6 Kết quả rèn luyện và kết quả học tập lớp 6 từ Đạt trở lên	- Hoàn thành CT lớp 7 - Xếp loại HL và HK lớp 7 từ TB trở lên	- Hoàn thành CT lớp 8 - Xếp loại HL và HK lớp 8 - từ TB trở lên
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình GDPT 2018	Chương trình GDPT 2018	Chương trình GDPT 2018	Chương trình GDPT THCS theo QĐ số 16/2016/QĐ-BGDĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Tổ chức CMHS định kỳ 2 lần trong năm học, thông qua kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục toàn diện, tổ chức kí cam kết thực hiện các cuộc vận động giữa giáo viên, học sinh, phụ huynh, xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh trong việc giáo dục học sinh.</p> <p>- Thông qua nội quy, quy chế điều lệ trường, triển khai các qui định về quyền lợi, nghĩa vụ của học sinh, của cha mẹ học sinh trong công tác phối hợp. Kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình.</p> <p>- Học sinh có thái độ tích cực học tập, tu dưỡng và rèn luyện.</p> <p>- Trung thực trong học tập, không có thái độ gian lận trong kiểm tra và thi cử.</p>			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<p>- Tổ chức tốt hoạt động ngoài giờ lên lớp, dạy HĐTNHN, dạy kỹ năng sống; hoạt động văn nghệ, TDTT.</p> <p>- Kêu gọi các mạnh thường quân tài trợ, hỗ trợ những hs có hoàn cảnh khó khăn.</p>			
V	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng học tiếp lớp 7	Đủ khả năng học tiếp lớp 8	Đủ khả năng học tiếp lớp 9	Đủ khả năng học tiếp lớp 10 và học nghề

2.2: Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường: Năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	552	145	143	148	116
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	538 (97,46%)	141 (97,24%)	142 (99,3%)	142 (95,95%)	113 (97,41%)
2	Khá	14	4 (2,76%)	1	6	3

	(tỷ lệ so với tổng số)	(2,54%)		(0,7%)	(4,05%)	(2,59%)
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0,0%)	0	0	0
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	552	145	143	148	116
1	Giỏi (Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	235 (42,57%)	66 (45,52%)	65 (45,45%)	57 (38,51%)	47 (40,52%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	204 (36,96%)	53 (36,55%)	44 (30,77%)	62 (41,89%)	45 (38,79%)
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	113 (20,47%)	26 (17,93%)	34 (23,78%)	29 (19,59%)	24 (20,69%)
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	552	145	143	148	116
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	552 (100%)	145 (100%)	143 (100%)	148 (100%)	116 (100%)
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	61 (11,05%)	21 (14,48%)	10 (6,99%)	20 (13,51%)	10 (8,62%)
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	174 (31,52%)	45 (31,03%)	55 (38,46%)	37 (25,00%)	37 (31,90%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyên trường đến/đi	Đến 4; Đi 2	Đến 1; Đi 1	Đến 1	Đến 2	Đi 1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0	0 (0%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	21	6	5	7	4
1	Cấp xã					
2	Cấp tỉnh/thành phố	5	0	0	2	3
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoàn thành chương trình THCS	116	0	0	0	116
VI	Số học sinh hoàn thành chương trình THCS	116	0	0	0	116
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	47 (40,52%)	0	0	0	47 (40,52%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	45 (38,79%)	0	0	0	45 (38,79%)
3	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	24 (20,69%)	0	0	0	24 (20,69%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	45/116				
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	1	1

VI: Thu, chi tài chính

1. Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu :

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

- Trường THCS Giao An công khai tài chính gồm:
- Thông báo công khai quyết toán thu chi NSNN năm 2025
- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý, 6 tháng đầu năm.
- Thông báo công khai thu nhập của Cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm-
- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm
- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0	0
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0	0

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	8.928.840.000	9.753.891.400
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	8.721.515.000	8.513.289.000
	Thường xuyên	7.430.870.000	7.482.666.000
	Không thường xuyên	1.290.645.000	1.030.623.000
II	Thu giáo dục và đào tạo	207.325.000	1.240.602.400
1	Học phí, cấp bù		520.880.000
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu vệ sinh	53.800.000	0
4.1	Thu học thêm		116.864.000
4.2	Thu nước uống	40.275.000	47.830.000
4.3	Thu trông giữ xe đạp	16.300.000	25.180.000
4.4	Thu tài trợ, viện trợ, xã hỗ trợ	96.950.000	185.700.000
4.5	BHYT học sinh, thu khác		344.148.400
III	Thu khoa học và công nghệ		

1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	8.928.840.000	9.753.891.400
I	Chi lương, thu nhập	7.841.930.000	7.528.643.600
1	Chi lương, thu nhập của giáo viên	7.430.870.000	7.137.248.600
2	Chi thưởng cho cán bộ khác	411.060.000	391.395.000
II	Chi thực hiện CCTL và dịch vụ, chi công dạy, QL, hoạt động chuyên môn, chi cơ sở vật chất, chi hộ	478.805.000	1.367.788.000
1	Chi thực hiện CCTL	165.900.000	208.352.000
2	Chi cho công dạy, QL	0	99.334.400
3	Chi hoạt động chuyên môn	105.580.000	127.185.000
4	Chi phí chung(CSVC) và chi khác	207.325.000	932.916.600
III	Chi hỗ trợ người học	2.250.000	5.850.000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	2.250.000	5.850.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	605.855.000	753.659.800
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	0	97.950.000

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác:

1. Các đội tuyển HSG các môn Văn, Toán, Anh khối 8, Vật lí 9, Địa lí 9, KHKT đã tham gia thi cấp tỉnh và cũng đạt được 1 giải ba, 1 giải khuyến khích.

2. Đội tuyển TDTT nhà trường đã phân công cho giáo viên GDTC, bồi dưỡng đạt được giải nhì toàn đoàn

VIII. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.
- Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất

lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai:

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ giữa tháng 6/2026.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2026 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2026 của UBND xã Giao Hòa.

-Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

-Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2026) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

-Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

-Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

IX: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu kém

1.1 Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi

Thực hiện Công văn của Sở giáo dục ĐT Ninh Bình về việc tổ chức các kỳ thi cho HS năm học 2025-2026.

- Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết, không đòi hỏi sự thù lao nào.

- Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. Coi trọng công tác bồi dưỡng HSG là mũi nhọn.

Kết quả HSG các cấp:

+ Học sinh giỏi cấp Tỉnh: 02 học sinh trong đó: 01 giải ba ,01 giải KK.

1.2 Phụ đạo học sinh yếu kém

- Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được

triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học 3 môn Toán, Văn, Anh cho 4 khối lớp.
- Chất lượng đại trà, phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm. Nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật được đánh giá qua kỳ khảo sát chất lượng cuối năm của xã Giao Hòa.

2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

2.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Triển khai Công văn của Sở GDĐT Ninh Bình về việc Hướng dẫn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường phổ thông năm học 2025-2026.

- Thực hiện sự chỉ đạo của UBND, phòng văn hóa xã Giao Hòa nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học. Thực hiện chuyên đề cấp tỉnh môn KHTN được đánh giá cao.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra 1 tiết, cuối học kì, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

* *Những tồn tại hạn chế:* Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá, chủ yếu ở các giáo viên có tuổi. Vì vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng nói chung.

1.1. Công tác giáo dục STEM

* *Công tác chỉ đạo.*

- Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

- Xây dựng Kế hoạch ngay từ đầu năm cho tổ chuyên môn. Yêu cầu mỗi giáo viên lập kế hoạch bộ môn có sự phê duyệt của BGH.

* *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp 35 tiết dạy học STEM. Đặc biệt xây dựng tham gia có hiệu quả Ngày hội Stem cấp tỉnh.

* *Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

2. Về việc triển khai, thực hiện cuộc thi Toán bằng tiếng Anh

* *Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện Công văn của Sở giáo dục Đào tạo Ninh Bình về việc hướng dẫn tổ chức cuộc thi Toán bằng tiếng Anh, nhà trường đã nghiêm túc triển khai tới GV và HS toàn trường.

- Khuyến khích học sinh trung học nghiên cứu, sáng tạo khoa học, công nghệ, kỹ thuật, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống;

- Góp phần thúc đẩy đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập, phát triển năng lực học sinh, nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục trung học;

- Tạo cơ hội để học sinh trung học giới thiệu kết quả nghiên cứu, sáng tạo khoa học, kỹ thuật của mình;

4. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

* *Công tác chỉ đạo.*

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông cấp THCS và THPT.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD, MT, AN, NV có hiệu quả. Tổ chức các chuyên đề HGDNGLL, tham gia cuộc thi ANGT vì Nụ cười ngày mai...

- **Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì

tai nạn giao thông.

**Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong việc nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn để HS đi xe điện tùy tiện.

5. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

** Công tác chỉ đạo.*

- Tiếp tục triển khai QĐ số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2025- 2026 ;

Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức GD như cho HS tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn.

** Kết quả đã đạt:* Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi HS hết L9 có thể tham gia lao động sản xuất.

** Những tồn tại hạn chế:* Việc tuyên truyền nội dung này còn chưa sâu rộng. Nội dung giảng dạy còn chưa đa dạng.

6. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

** Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

** Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

** Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản nên việc dồn bộ phận phụ trách còn chông chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của trường THCS Giao An, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CB-GV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2026-2027.

Nơi nhận:

- Phòng XH xã (để b/c)
- Công TTĐT của nhà trường
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
TRỊNH ĐÌNH THẮNG